

Giải thích:

ignorance (of/about something) (n): sự thiếu thông tin

ignorantly (adv): không biết

ignorant (of something) (adj): thiếu thông tin, thiếu hiểu biết

ignore (something) (v): không chú ý

Ở đây, từ cần điền là một tính từ.

Tạm dịch: Nhiều người dân nói rằng họ không có nhiều thông tin về chính sách chính trị của các ứng viên trong cuộc bầu cử địa phương.

Question 6: Đáp án B

Kiến thức: câu điều kiện hỗn hợp

Giải thích:

Câu điều kiện hỗn hợp loại 1 để diễn tả giả thiết trái ngược với quá khứ, nhưng kết quả thì trái ngược với hiện tại.

Cấu trúc: If + S + had + P.P (quá khứ phân từ), S + would + V (nguyên mẫu)

Dấu hiệu: yesterday, today

Tạm dịch: Nếu hôm qua anh ấy đã xem lại bài, hôm nay anh ấy có thể làm bài kiểm tra tốt hơn.

Question 7: Đáp án D

Kiến thức: cụm động từ

Giải thích:

get over something/somebody: hồi phục

get somebody down: làm ai buồn, chán nản

Tạm dịch: Nhiều người ghét thứ Hai, nói rằng chúng thực sự làm họ chán nản.

Question 8: Đáp án C

Kiến thức: sự hòa hợp về thì

Giải thích:

Hiện tại hoàn thành (S + have + p.p) – SINCE – Quá khứ đơn (S + V.ed)

Tạm dịch: Con cái của họ đã có rất nhiều bạn mới kể từ khi họ chuyển đến thị trấn đó.

Question 9: Đáp án C

Kiến thức: thành ngữ

Giải thích:

throw the baby out with the bathwater: vứt bỏ những thứ đáng giá cùng lúc với rũ bỏ với thứ gì không còn cần

Tạm dịch: Đôi khi trong một tình huống xấu, vẫn có thể có một số điều tốt đẹp.

Question 10: Đáp án A

Kiến thức: từ vựng

Giải thích:

doubt (v): nghi ngờ

ask (v): hỏi

inquire (v): hỏi

search (v): tìm

Tạm dịch: Không có lý do gì để nghi ngờ tính trung thực của anh; anh ấy hoàn toàn chân thành.

Question 11: Đáp án C

Kiến thức: câu bị động

Giải thích:

Theo ngữ cảnh, ở đây ta cần dùng động từ ở thể bị động: (hope) to be invited

Tạm dịch: Ann hy vọng được mời tham gia câu lạc bộ tư nhân. Cô ấy có thể có được liên hệ kinh doanh quan trọng ở đây.

Question 12: Đáp án A

Kiến thức: cụm động từ

Giải thích:

go through something: xem xét kỹ lưỡng

break through something: xuyên thủng

take something over: đảm nhiệm

look something up: tra cứu

Tạm dịch: Trước khi tôi gửi bài viết này cho người biên tập, tôi sẽ rất biết ơn nếu bạn có thể xem xét nó cho tôi.

Question 13: Đáp án B

Kiến thức: từ vựng

Giải thích:

realize (v): nhận ra

complete education: hoàn thành việc học

graduate (v): tốt nghiệp

terminate (v): chấm dứt

Tạm dịch: Vào năm tới, con trai tôi sẽ hoàn thành chương trình học tại Đại học Cambridge.

Question 14: Đáp án A

Kiến thức: từ vựng, từ loại

Giải thích:

address (v): giải quyết

focus (v): tập trung

monitor (v): giám sát

check (v): kiểm tra

Tạm dịch: Vấn đề cần được giải quyết ngay, nếu không sẽ quá trễ.

Question 15: Đáp án D

Kiến thức: cấu trúc phỏng đoán

Giải thích:

should + have + P.P: nên làm gì nhưng đã không làm

must + V: đưa ra lời suy luận chắc chắn

must + have + P.P: phỏng đoán về một việc trong quá khứ

can + have + P.P: thừa khả năng để làm việc gì đó nhưng bạn không làm

Tạm dịch: Tom trông rất sợ hãi và buồn bã. Anh ấy chắc hẳn đã trải qua cái gì đó khủng khiếp.

Question 16: Đáp án A

Kiến thức: từ vựng

Giải thích:

brand name = trademark: nhãn hiệu

model (n): mẫu

logo (n): biểu tượng của một công ty, tổ chức

Tạm dịch: Ngày nay có nhiều nhãn hiệu đến mức không thể nhớ được hết tên của chúng.

Question 17: Đáp án A

create a good on sb: tạo ấn tượng tốt với ai

Question 18: Đáp án D

Double comparison: the + more long adj/ short adj-er +S (+V), the + more long adj/ short adj-er +S (+V)

Question 19: Đáp án A

Bạn nên tập trung vào cái mà giáo viên đang nói.

You should concentrate what the teacher is saying.

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

Question 20: Đáp án D

Kiến thức: từ vựng, từ trái nghĩa

Giải thích: replenish (v): đổ đầy, chất đầy

A. remake (v): phiên bản mới của một bài hát/bộ phim

B. refill (v): đổ đầy, chất đầy

C. repeat (v): lặp lại

D. empty (v): đổ ra

=> refill >< empty

Tạm dịch: Ở các dân tộc xa xôi, điều quan trọng là phải chất đầy kho lương thực trước khi mùa đông bắt đầu.

Question 21: Đáp án B

Kiến thức: từ vựng, từ trái nghĩa

Giải thích: antipathy (n): sự căm thù

A. hostility (n): sự thù địch

B. amity (n): tình hữu nghị

C. hatred (n): sự thù ghét

D. fright (n): sự sợ hãi

=> amity >< antipathy

Tạm dịch: Tình hữu nghị thay đổi thành sự thù địch khi những người định cư lấy đất Ấn Độ.

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word(s) CLOSEST in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

Question 22: Đáp án D

Kiến thức: từ vựng, từ trái nghĩa

Giải thích: get clear: hiểu rõ ràng

control (v): điều khiển

banish (v): trục xuất

get rid of: thoát khỏi

figure out: hiểu ra

=> figure out = get clear

Tạm dịch: Nói về cảm giác của bạn có thể giúp bạn hiểu rõ hơn về những gì bạn cảm thấy.

Question 23: Đáp án A

Kiến thức: từ vựng, từ trái nghĩa

Giải thích: attempt (n): nỗ lực

try (v): cố gắng

aim (v): với mục đích

intend (v): dự định

plan (v): lên kế hoạch

=> try = in an attempt

Tạm dịch: Chính phủ đã khởi động chiến dịch an toàn đường bộ mới nhằm giảm số vụ tai nạn đường bộ.

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the most suitable response to complete each of the following exchanges.

Question 24: Đáp án C

Kiến thức: hội thoại giao tiếp

Tạm dịch: Daniel: "Bạn có nghĩ là xấu khi giữ tất cả số kẹo cho riêng mình?"

- A. Bạn hoàn toàn đúng. Tôi thích kẹo điên lên được.
- B. Tôi rất xin lỗi. Đôi khi tôi quá hung hăng.
- C. Tôi xin lỗi. Tôi không nên quá ích kỷ như vậy.
- D. Bạn nói đúng. Tôi hơi ghen tị.

Question 25: Đáp án C

Kiến thức: hội thoại giao tiếp

Tạm dịch: Mary: "Đề tôi mang một cái gì đó đến bữa tiệc của cậu nhé?"

- A. Theo tôi, bạn nói đúng.
- B. Điều đó làm tôi ngạc nhiên.
- C. Bạn đến là vui rồi.
- D. Xin lỗi, tôi đã có kế hoạch cho tối nay.

Read the following passage and mark A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the blanks from 26 to 30

Question 26: Đáp án B

Kiến thức: từ vựng

Giải thích:

- A. change (n): sự thay đổi
- B. difference (n): sự khác biệt
- C. appearance (n): sự xuất hiện
- D. variety (n): sự đa dạng

Question 27: Đáp án D

Kiến thức: từ vựng

Giải thích:

- because: bởi vì
- soon: sớm
- but: nhưng
- so: vì vậy

Question 28: Đáp án B

Kiến thức: từ vựng

Giải thích: to find out: tìm ra

Question 29: Đáp án C

Kiến thức: từ vựng

Giải thích: Giữa hai động từ thường có giới từ "to".

Question 30: Đáp án D

Kiến thức: từ vựng

Giải thích:

A. watch (v): quan sát

B. observe (v): xem

C. notice (v): chú ý

D. diagnose (v): chẩn đoán (bệnh)

Dịch bài đọc:

Trong 20-50 năm tới, nói về sự khác biệt giữa con người và máy móc sẽ trở nên khó khăn hơn. Tất cả bộ phận cơ thể sẽ được thay thế. Máy tính sẽ hoạt động giống như bộ não con người có khả năng nhận ra những cảm xúc và trả lời bằng cảm xúc. Tiếp đó máy tính sẽ sản xuất ra người giả. Sau đó, chúng ta sẽ có thể tạo ra một bản sao thiết bị của chính mình vì vậy chúng ta sẽ xuất hiện trong trạng thái sống lâu hơn sau khi chúng ta chết. Có lẽ một vài thập kỷ sau đó, sẽ tìm thấy cách để dịch chuyển linh hồn của chúng ta, bao gồm những kỷ niệm và những suy nghĩ, đến cơ thể mới của chúng ta. Sau đó chúng ta có thể chọn sống bao lâu chúng ta muốn. Có thể nó sẽ đắt tiền. Khi có thể chuyển linh hồn, họ sẽ tìm ra cách để làm cho chúng tự động. Vì vậy, chúng ta sẽ có thể cư trú trong bất cứ bản sao chúng ta muốn, bất cứ khi nào chúng tôi muốn.

Robot thu nhỏ sẽ được tạo dựng để di chuyển thông qua dòng máu của bạn và chữa lành các tổn thương. Ngoài ra, robot lớn hơn sẽ được sử dụng khi bạn đang bị bệnh. Khi bạn đau bụng, bạn sẽ nuốt một robot có vị anh đào và nó sẽ đi di chuyển thông qua dạ dày của bạn để thu hình. Nó sẽ được thiết lập như một trò chơi ghi hình, vì vậy bạn có thể kiểm soát sự khám phá và việc lựa chọn các hình ảnh. Sau đó bạn có thể xem lại đoạn băng để giúp bác sĩ chẩn đoán bệnh tật của bạn, hoặc để chứng minh cho ông chủ của bạn rằng bạn thực sự, bị ốm.

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions.

Question 31: Đáp án A

Kiến thức: đọc hiểu

Tạm dịch: Đoạn văn này chủ yếu thảo luận về vấn đề gì?

A. Cấu trúc lục địa và lớp vỏ.

B. Sự trôi dạt và phân chia lục địa.

C. Phân tích khoa học về vỏ lục địa.

D. Các định nghĩa khác nhau của thuật ngữ "lục địa".

Thông tin: Continents and ocean basins represent the largest identifiable bodies on Earth... The analysis of compression and tension in the earth's crust has determined that continental structures are composed of layers that underlie continental shelves... Although each continent has its special features, all consist of various combinations of components that include shields, mountain belts, intracratonic basins, margins, volcanic plateaus, and blockvaulted belts... Mountain belts are elongated narrow zones that have a characteristic folded sedimentary organization of layers.

Question 32: Đáp án A

Kiến thức: đọc hiểu

Tạm dịch: Theo đoạn văn này, các nhà khoa học xác định các lục địa như thế nào?

- A. Là một khối lượng đất lớn không chia tách. B. Là các vùng đất rộng lớn.
C. Là thành phần bề mặt và các dãy núi. D. Là cấu trúc có thể nhận diện lớn nhất.

Thông tin: In geography, the term "continent" refers to the surface of continuous landmasses that together comprise about 29.2% of the planet's surface.

Question 33: Đáp án D

Kiến thức: đọc hiểu, từ vựng

Giải thích: to bound (v): vạch biên giới

to cover: bao phủ

to convene: nhóm họp

to dominate: thống trị

to delimit: phân biên giới

Question 34: Đáp án B

Kiến thức: đọc hiểu

Tạm dịch: Theo đoạn văn, sự khác biệt trong cấu trúc lục địa là gì?

- A. Các cấu trúc riêng biệt của các yếu tố của chúng.
B. Tỷ lệ các thành phần chính và kích thước tương đối của chúng.
C. Các vùng khí hậu và ảnh hưởng của chúng đến các cấu trúc bề mặt.
D. Kích thước tỷ lệ của các lục địa với nhau.

Thông tin: The basic differences among continents lie in the proportion and the composition of these features relative to the continent size.

Question 35: Đáp án D

Kiến thức: đọc hiểu

Tạm dịch: Cụm từ "This process" đề cập đến _____.

- A. Sự gia tăng của ranh giới. B. Các dãy núi.
C. Lý thuyết kiến tạo mảng. D. Sự va chạm lục địa.

Thông tin: When continental margins collide, the rise of a marginal edge leads to the formation of large mountain ranges, as explained by the plate tectonic theory. **This process** also accounts for the occurrence of mountain belts in ocean basins and produces **evidence** for the ongoing continental plate evolution.

Dịch bài đọc:

Các lục địa và các lưu vực đại dương đại diện cho bộ phận có thể nhận dạng lớn nhất trên trái đất. Trên phần rắn của trái đất, các cấu trúc nổi bật thứ hai là đồng bằng, cao nguyên, và dãy núi lớn. Trong địa lý, thuật ngữ "lục địa" đề cập đến bề mặt của các liên lục địa liên tục chiếm khoảng 29,2% bề mặt của hành tinh. Mặt khác, một định nghĩa khác phổ biến trong việc sử dụng chung thuật ngữ liên quan đến các lục địa rộng lớn, chẳng hạn như châu Âu hoặc châu Á, thực sự đại diện cho một vùng đất rất lớn. Mặc dù tất cả các lục địa bị bao phủ bởi các vùng nước hoặc các dãy núi cao, các lục địa bị cô lập, chẳng hạn như vùng Greenland và Ấn Độ- Pakistan, được gọi là tiểu lục địa. Trong một số vòng tròn, sự phân biệt giữa các lục địa và các hòn đảo lớn hầu như chỉ có quy mô của một vùng đất cụ thể.

Việc phân tích sức ép và sức nén trong lớp vỏ trái đất đã xác định rằng cấu trúc lục địa bao gồm các lớp nằm dưới lớp trên lục địa. Rất nhiều bất đồng giữa các nhà địa chất xung quanh vấn đề xác định chính xác có bao nhiêu lớp nền tảng cho từng vùng đất do khoáng chất và thành phần hóa học riêng biệt của chúng. Cũng có thể là đại dương nằm trên những lục địa chưa biết chưa được khám phá. Lớp vỏ lục địa được cho là đã bị tràn ngập bởi phản ứng hóa học khi các vật liệu nhẹ tách ra khỏi các lớp nặng hơn, do đó lắng xuống các mức độ khác nhau trong lớp vỏ. Các nhà địa chất học có thể suy đoán rằng một sự phân tách hóa học xảy ra để tạo thành bầu khí quyển, nước biển và vỏ trái đất trước khi nó đông lại nhiều thế kỷ trước.

Mặc dù mỗi châu lục có các đặc điểm đặc biệt, tất cả đều bao gồm các kết hợp các thành phần bao gồm khiên, đai cao su, các lưu vực intracratonic, lè, cao nguyên núi lửa, và các đai bị chặn. Sự khác biệt cơ bản giữa các châu lục nằm trong tỷ lệ và thành phần của các đặc tính này liên quan đến kích cỡ lục địa. Các vùng khí hậu có ảnh hưởng quan trọng đến thời tiết và sự hình thành các đặc tính bề mặt, xói mòn đất, lắng đọng đất, hình thành đất đai, thực vật và các hoạt động của con người.

Vành đai núi trải dài qua các vùng rộng lớn có các tổ hợp trầm tích đặc trưng của lớp. Chúng thường được sản xuất trong quá trình chuyển động vỏ trái đất, gây ra sự xây dựng đứt gãy và xây dựng. Khi biên giới lục địa va chạm, sự gia tăng của cạnh biên tạo ra các dãy núi lớn như đã giải thích bởi lý thuyết kiến tạo mảng. Quá trình này cũng giải thích cho sự xuất hiện của các vành đai núi trong các lưu vực đại dương và tạo ra bằng chứng cho sự phát triển của lục địa đang diễn ra.

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions.

Question 36: Đáp án D

Kiến thức: đọc hiểu

Tạm dịch: Theo tác giả, ngày nay học sinh khác với những người mà cô biết trước đây ở chỗ _____.

- A. không học giỏi bằng
B. rất sẵn sàng cho việc học đại học
C. chịu trách nhiệm cho công việc của họ
D. không trưởng thành bằng

Thông tin: But students now are less mature and often not ready for the responsibility of being in college.

Question 37: Đáp án B

Kiến thức: đọc hiểu, từ vựng

Tạm dịch: handle (v): xử lý

A. point at: chỉ

B. deal with: giải quyết

C. gain benefits from: hưởng lợi từ

D. lend a hand to: giúp đỡ ai

=> deal with = handle

Question 38: Đáp án B

Kiến thức: đọc hiểu

Tạm dịch: Theo nhà văn, những khó khăn của sinh viên đối với cuộc sống đại học một phần là do _____.

A. không có sự bảo vệ của cha mẹ

B. sự làm quá từ cha mẹ

C. thiếu sự hỗ trợ của cha mẹ

D. thiếu sự hỗ trợ tài chính

Thông tin: Parents, who **handle** every difficulty and every other responsibility for their children writing admission essays to picking college courses, certainly may contribute to their children's lack of coping strategies.

Question 39: Đáp án B

Kiến thức: đọc hiểu, từ vựng

Tạm dịch: to be on medication: sử dụng thuốc

A. nghiên cứu y học tại trường đại học

B. nhận điều trị y tế

C. lo lắng hoặc trầm cảm

D. làm nghiên cứu y khoa

Question 40: Đáp án C

Kiến thức: đọc hiểu

Tạm dịch: Câu nào dưới đây KHÔNG đúng theo đoạn văn?

A. Thế giới của chúng ta căng thẳng hơn vì tình hình kinh tế và chính trị hiện nay.

B. Xã hội của chúng ta chắc chắn không muốn con cái của chúng ta trải qua những điều khó chịu.

C. Trải nghiệm ở đại học ngày nay căng thẳng hơn so với 10 năm trước.

D. Các giảng viên và nhân viên trường cao đẳng cần phải giúp đỡ trong việc nuôi dạy con cái những học sinh có vấn đề.

Thông tin: Our world is more stressful in general because of the current economic and political realities, but I don't believe that the college experience itself is more intense today than that of the past 10 years.

Question 41: Đáp án B

Kiến thức: đọc hiểu

Tạm dịch: Những sinh viên không được chuẩn bị tốt để trở thành những “người lớn” với tất cả các trách nhiệm của cuộc sống sẽ cần _____.

A. được giao thêm việc nhà từ người lớn

B. được khuyến khích để gặp những thách thức

C. được giáo dục hàng ngày từ giáo viên của họ

D. được trao thêm nhiều trách nhiệm xã hội

Thông tin: As parents and teachers we should expect young people to meet challenges.

Question 43: Đáp án A

Kiến thức: đọc hiểu

Tạm dịch: Theo nhà văn, thất bại trong cuộc sống và sự hỗ trợ ít hơn từ cha mẹ sẽ _____.

- A. giúp học sinh học cách tự đứng vững trên đôi chân của mình
- B. đánh bại học sinh ngay từ đầu
- C. cho phép học sinh học bài học đầu tiên trong cuộc sống của chúng
- D. làm nản chí học sinh và đánh gục họ mãi mãi

Thông tin: To encourage them in this direction, we have to step back and let them fail and pick themselves up and move forward. This approach needs to begin at an early age so that college can actually be a passage to independent adulthood.

Dịch bài đọc:

Theo nhiều kinh nghiệm, tân sinh viên ngày nay khác với những gì tôi biết khi tôi bắt đầu làm cô vấn và giáo sư cách đây 2 năm. Trường cao đẳng luôn luôn đòi hỏi học vấn và xã hội. Nhưng bây giờ sinh viên ít trưởng thành hơn và thường không sẵn sàng cho việc chịu trách nhiệm về việc học ở trường đại học.

Thật là quá dễ dàng để chỉ ngón tay vào các bậc cha mẹ bảo vệ con mình khỏi trở ngại của cuộc sống. Cha mẹ, người xử lý mọi khó khăn và mọi trách nhiệm khác cho con của mình khi viết bài tiểu luận nhập học để chọn các khóa học đại học, chắc chắn có thể góp phần làm cho trẻ thiếu các chiến lược đối mặt với khó khăn. Nhưng chúng ta có thể nhìn sâu hơn vào xu hướng xã hội của ngày hôm nay.

Bạn biết bao nhiêu người đang dùng thuốc để tránh lo lắng hoặc trầm cảm? Số sinh viên đến trường đã dùng thuốc vì những cảm xúc không mong muốn đã tăng đáng kể trong 10 năm qua. Chúng ta, như một xã hội, không muốn "cảm thấy" bất cứ điều gì khó chịu và chúng ta chắc chắn không muốn con cái chúng ta "chịu đựng".

Kết quả là do không trải qua những cảm xúc tiêu cực, người ta không học các kỹ năng cần thiết để dung thứ và vượt qua nghịch cảnh. Là một nhà tâm lý học, tôi nhận thức được thực tế là một số cá nhân bị trầm cảm và lo lắng và có thể được hưởng lợi từ điều trị, nhưng tôi đặt câu hỏi về số lượng ngày càng tăng của thanh thiếu niên đang dùng thuốc hôm nay.

Thế giới của chúng ta nói chung căng thẳng hơn vì những thực tế kinh tế và chính trị hiện nay, nhưng tôi không tin rằng ngày nay sinh viên chịu đựng sự căng thẳng ở trường đại học ngày nay lớn hơn so với 10 năm trước. Những gì tôi nghĩ là nhiều sinh viên thường không được chuẩn bị để trở thành "người lớn" với tất cả các trách nhiệm của cuộc sống.

Điều này có nghĩa gì đối với giảng viên và viên chức ở đại học? Chúng ta buộc phải hỗ trợ việc nuôi dạy cơ bản cho những học sinh này – những người than phiền rằng vị giáo sư đã không nhắc nhở

cô về thời hạn cho bài tập được liệt kê rõ ràng trong chương trình học và những người lừa dối làm bài tập mặc dù hướng dẫn cẩn thận về đạo văn.

Là các giáo sư đại học, chúng ta phải giải thích ý nghĩa của một sinh viên đại học độc lập là gì trước khi chúng ta có thể bắt đầu giảng dạy. Là cha mẹ và giáo viên, chúng ta nên mong đợi những người trẻ tuổi gặp những thách thức. Để khuyến khích họ theo hướng này, chúng ta phải lùi lại và để cho họ thất bại, tự đứng lên và tiến lên phía trước. Cách tiếp cận này cần phải bắt đầu từ khi còn nhỏ để trường đại học có thể thực sự là một sự chuyển tiếp sang tuổi trưởng thành độc lập.

Mark the letter A, B, C or D in your answer sheet to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions.

Question 43: Đáp án D

Kiến thức: cấu trúc song hành

Giải thích:

Ở đây, cụm từ “include ...” và “give...” song hành với nhau nên phải có cấu trúc ngữ pháp giống nhau.

=> to give => giving

Tạm dịch: Từ điển Oxford được biết đến vì có rất nhiều nghĩa khác nhau của từ và đưa ra những ví dụ thực tế.

Question 44: Đáp án C

Kiến thức: từ vựng

Giải thích:

regarding something: về cái gì

regardless of something: bất chấp cái gì

=> regarding => regardless

Tạm dịch: Tất cả các ứng viên cho học bổng sẽ được đối xử bình đẳng bất kể giới tính, tuổi, hoặc quốc tịch.

Question 45: Đáp án D

Kiến thức: sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ

Giải thích:

Ở đây, chủ ngữ của động từ “have” là “the assumption” => động từ chia ở dạng số ít.

=> have => has

Tạm dịch: Giả định rằng hút thuốc lá có ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của chúng ta đã được chứng minh.

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is closest in meaning to each of the following questions.

Question 46: Đáp án A

Kiến thức: cấu trúc “It was not until”

Tạm dịch: Ngay khi tôi về nhà thì tôi mới nhận ra là mình đã quên cài chuông chống trộm ở văn phòng.

A. Tôi đã không bật báo động trộm trước khi rời văn phòng, nhưng tôi chỉ nhận thức được điều này sau khi tôi về đến nhà.

B. Trên đường về nhà, tôi đột nhiên nhận ra rằng tôi đã quên để bật các báo động trộm trong văn phòng.

C. Tôi ước trước khi tôi về đến nhà tôi đã nhận ra mình đã không bật báo động trộm trong văn phòng, thế thì dễ hơn để đến và cài nó.

D. May mắn thay, tôi nhận ra rằng tôi đã không đặt báo động trộm trước khi tôi rời nhà; nếu không, tôi đã phải quay trở lại văn phòng.

Question 47: Đáp án C

Kiến thức: từ vựng

Tạm dịch: Chỉ với việc hoạch định môi trường cẩn thận chúng ta mới có thể bảo vệ được thế giới mà chúng ta đang sống.

A. Lập kế hoạch môi trường một cách cẩn thận, chúng ta có thể bảo vệ thế giới mà chúng ta đang sống.

B. Việc hoạch định môi trường cẩn thận bảo vệ thế giới chúng ta đang sống.

C. Chúng ta có thể bảo vệ thế giới chúng ta sống chỉ với việc hoạch định môi trường cẩn thận.

D. Bảo vệ thế giới chúng ta đang sống, chúng ta lập kế hoạch môi trường một cách cẩn thận.

Question 48: Đáp án C

Kiến thức: mệnh đề quan hệ rút gọn

Giải thích: Cách rút gọn mệnh đề quan hệ: Bỏ đại từ quan hệ và trợ động từ; chuyển động từ thành dạng Ving, nếu ở dạng chủ động; Vp.p nếu ở dạng bị động.

Tạm dịch: Cảnh báo cho các cầu thủ về hành vi của họ trên sân đã bị bỏ qua.

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the sentence that best combines each pair of sentences in the following questions.

Question 49: Đáp án B

Kiến thức: cấu trúc nhượng bộ

Cấu trúc: Adj/Adv + as + S + tobe, Clause (S + V + O)

Tạm dịch: Mặc dù kế hoạch rất tuyệt vời nhưng nó sẽ không bao giờ đi vào thực tế.

Question 50: Đáp án A

Kiến thức: rút gọn mệnh đề

Giải thích: Khi 2 mệnh đề cùng chủ ngữ, có thể rút gọn mệnh đề bằng cách bỏ chủ ngữ, chuyển động từ về dạng Ving.

Tạm dịch: Cầm dây bằng một tay, anh kéo nó ra.